

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 78/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25 tháng 6 năm 2020

Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Nguyễn Hoàng Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 376/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị H Đ, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Trương M K, sinh năm 1977 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phùng Thị H Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trương M K kết hôn với nhau vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh C. Từ khi kết hôn vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng quan điểm. Anh K thường đi làm ăn xa, khoảng 01 đến 02 tháng mới về, khi về thì không có tiền, không có trách nhiệm với vợ con. Năm 2017 vợ chồng đã ly thân, không sống chung. Đến năm 2019, vợ chồng hàn gắn chung sống với nhau được vài tháng thì tiếp tục mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Trương Phùng T Đ, sinh ngày 15/11/2008, hiện đang sống cùng với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Trương M K trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Đ về thời gian kết hôn, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng giữa anh và chị Đ có những bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cự cãi với nhau. Do chị Đ nghi ngờ anh có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên mới yêu cầu ly hôn với anh. Anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, nay chị Đ yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý, anh yêu cầu được đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung như chị Đ trình bày là đúng. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trương M K yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Phùng Thị H Đ và anh Trương M K kết hôn với nhau vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh C. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh K được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Đ cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K không có trách nhiệm với gia đình, có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Chị Đ xác định không còn tình cảm yêu thương anh K, hôn nhân không còn hạnh phúc, chị Đ mong muốn được ly hôn với anh K và khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 3/2020 cho đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Đ được ly hôn với anh K.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Trương Phùng T Đ, sinh ngày 15/11/2008. Khi ly hôn, chị Đ và anh K đều yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cháu Đ có nguyện vọng được sống cùng với chị Đ khi cha mẹ ly hôn. Thấy rằng, hiện nay cháu Đ đang sống cùng với chị Đ, đã ổn định về cuộc sống nên cần giao con chung cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh K không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới, thăm nom, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ và anh K xác định không có.

[5] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phùng Thị H Đ được ly hôn với anh Trương M K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trương Phùng T Đ, sinh ngày 15/11/2008 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh K không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới, thăm nom, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ và anh K xác định không có.

4. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 29/4/2020 chị Đ đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001708 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu đổi trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang